

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

Cho kỳ kế toán Quý IV từ ngày 01/01/2019 đến ngày
31/03/2019



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 39
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Bà: Phạm Hồng Dung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Hồ Thị Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban	
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông: Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2018)
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2018)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đỗ Hữu Hạ
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2019 VND	01/04/2018 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.034.532.782.857	461.817.072.077
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	194.948.804.389	42.258.301.290
111	1. Tiền		194.948.804.389	42.258.301.290
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	299.000.000.000	38.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		299.000.000.000	38.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		342.954.330.570	48.169.821.803
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	52.141.182.625	21.506.135.859
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	90.102.873.083	19.985.694.123
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	200.710.274.862	6.677.991.821
140	IV. Hàng tồn kho	08	186.792.250.338	332.818.466.702
141	1. Hàng tồn kho		186.792.250.338	332.818.466.702
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.837.397.560	570.482.282
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	565.718.945
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.832.397.560	1.763.337
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	5.000.000	3.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2019	01/04/2018
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.357.963.052.002	3.938.119.515.583
220	I. Tài sản cố định		76.815.216.050	74.526.520.945
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	23.903.380.225	21.415.848.797
222	- Nguyên giá		56.643.313.604	51.245.753.241
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.739.933.379)	(29.829.904.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	52.911.835.825	53.110.672.148
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.417.550.065)	(3.218.713.742)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	252.509.071.462	254.322.175.740
231	- Nguyên giá		271.141.197.992	271.141.197.992
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.632.126.530)	(16.819.022.252)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	09	789.697.303.429	176.310.266.928
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		789.697.303.429	176.310.266.928
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	3.238.260.551.970	3.432.960.551.970
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.499.409.650.000	1.469.409.650.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.738.850.901.970	1.962.050.901.970
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	1.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		680.909.091	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		680.909.091	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.392.495.834.859	4.399.936.587.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2019	01/04/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.533.186.964.104	461.176.801.493
310	I. Nợ ngắn hạn		491.744.995.532	120.322.001.843
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	13.952.622.689	7.875.184.058
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	210.439.884.837	92.183.819.557
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.339.572.163	14.422.698.951
314	4. Phải trả người lao động		57.000.000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.063.194.929	3.679.097.980
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.821.386.253	2.023.605.234
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	194.406.945.000	-
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	64.526.793.598	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn		1.041.441.968.572	340.854.799.650
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	500.563.822.249	298.249.160.450
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	42.605.639.200
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	20	540.878.146.323	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.859.308.870.755	3.938.759.786.167
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	3.859.308.870.755	3.938.759.786.167
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		57.929.853.677	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		(219.996.488.178)	(219.996.488.178)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		391.435.365.256	528.816.134.345
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		228.584.446.591	15.744.380.888
421b	LNST chưa phân phối năm nay		162.850.918.665	513.071.753.457
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.392.495.834.859	4.399.936.587.660

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2017
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	237.117.704.921	242.290.828.147	764.857.145.334	1.682.024.961.765
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-	2.031.232.000	822.921.000	4.173.245.091
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	237.117.704.921	240.259.596.147	764.034.224.334	1.677.851.716.674
11	4. Giá vốn hàng bán	24	167.009.050.822	174.307.439.123	543.765.816.529	1.252.801.169.107
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.108.654.099	65.952.157.024	220.268.407.805	425.050.547.567
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	422.030.229	185.241.587.771	9.201.733.955	193.682.800.663
22	7. Chi phí tài chính	26	4.673.516.555	1.748.744.435	7.360.255.111	3.242.464.627
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.673.469.818	1.745.179.361	7.312.276.531	3.231.856.257
25	8. Chi phí bán hàng	27	3.579.587.754	2.150.808.146	8.732.527.180	5.693.234.105
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	4.635.791.664	2.342.377.526	17.222.828.656	11.390.997.587
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.641.788.355	244.951.814.688	196.154.530.813	598.406.651.911
31	11. Thu nhập khác	29	3.055.386.322	180.000.000	8.968.927.745	5.069.519.123
32	12. Chi phí khác	30	82.615.800	6.653.250.553	1.247.848.377	6.739.326.569
40	13. Lợi nhuận khác		2.972.770.522	(6.473.250.553)	7.721.079.368	(1.669.807.446)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 VND
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.614.558.877	238.478.564.135	203.875.610.181
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	12.139.434.935	11.996.822.827	41.024.691.516
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		48.475.123.942	226.481.741.308	162.850.918.665
					513.071.753.457

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2018 đến	Từ 01/04/2017 đến
			31/03/2019	31/03/2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		203.875.610.181	596.736.844.465
	2. Điều chỉnh cho các khoản		4.940.507.841	(184.822.338.110)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.903.303.710	5.629.779.270
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18.466	3.462.218
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.275.090.866)	(193.687.435.855)
06	- Chi phí lãi vay		7.312.276.531	3.231.856.257
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		208.816.118.022	411.914.506.355
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(225.268.892.100)	37.629.852.946
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		148.023.419.239	(95.258.754.118)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		505.734.520.265	382.974.951.556
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(115.190.146)	(392.606.145)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.312.276.531)	(3.231.856.257)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(46.723.038.381)	(87.038.697.196)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(814.654.422)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		582.340.005.946	646.597.397.141
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(692.419.222.204)	(175.970.506.701)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	180.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(752.760.000.000)	(171.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		493.260.000.000	171.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(30.000.000.000)	(460.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		225.432.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.389.412.825	194.015.782.643
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(750.097.809.379)	(442.074.724.058)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		57.929.853.677	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(219.996.488.178)
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.159.982.115.609	269.442.633.424
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(597.182.814.888)	(226.836.994.224)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(300.280.829.400)	(290.395.211.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		320.448.324.998	(467.786.060.178)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		152.690.521.565	(263.263.387.095)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.258.301.290	305.525.150.603
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.466)	(3.462.218)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	194.948.804.389	42.258.301.290

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; Tương đương 362.994.014 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán ô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất ô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm, do có gián đoạn quá trình nhập khẩu và thị trường tiêu thụ ô tô khá ổn định sau thời gian tăng trưởng mạnh, đồng thời Công ty chưa ghi nhận doanh thu bất động sản dẫn tới doanh thu năm 2018 của Công ty giảm 54,48% so với năm trước;
- Công ty đang hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS - Công ty liên kết) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Dự án đã bắt đầu nghiệm thu một số hạng mục. Do đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và nợ phải trả về hợp tác kinh doanh tại ngày 31/03/2019 tăng lên đáng kể so với cùng thời điểm năm trước;
- Trong năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp đã thông qua phương án tách Công ty. Một phần vốn cổ phần của Cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị phần vốn cổ phần được chuyển sang cho Công ty được tách (Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát). Tổng số vốn và tài sản được tách tại thời điểm tách là 220.000.000.000 đồng;
- Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy thực hiện phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các nhà đầu tư nước ngoài theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/02/2019 nhằm tăng quy mô vốn hoạt động để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án hiện có của Công ty. Tổng số tiền thu về từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi lần đầu là 598.808.000.000 đồng (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 20).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	30 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	không trích khấu hao

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC. Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thông báo từ BCC.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm Doanh thu cho thuê nhà xưởng và tài sản cố định khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xe đầu kéo và kinh doanh bất động sản chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
Tiền	194.948.804.389	42.258.301.290
	194.948.804.389	42.258.301.290

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	299.000.000.000	-	38.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	299.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	1.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.500.000.000	-
	299.000.000.000	-	39.500.000.000	-

(*) Tại ngày 31/03/2019, Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 6,8%/năm đến 7,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	1.499.409.650.000		1.469.409.650.000	
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	1.009.409.650.000	-	1.009.409.650.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp (*)	249.184.000.000	-	460.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát (*)	240.816.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.738.850.901.970		1.962.050.901.970	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	266.000.000.000	-	266.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134.400.000.000	-	134.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	312.000.000.000	-	312.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	252.000.000.000	-	252.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng (**)	-	-	223.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	774.450.901.970	-	774.450.901.970	-
	3.238.260.551.970	-	3.431.460.551.970	-

(*): Trong năm, Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp đã được tách thành 2 Công ty là Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp vốn điều lệ 260 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Thịnh Phát vốn điều lệ 250 tỷ đồng. Công việc chia tách đã được hoàn tất tại ngày 19/06/2018. Đồng thời, Công ty góp thêm 30 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát. Theo đó, Vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp và Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Thịnh Phát tại thời điểm 31/03/2019 lần lượt là 249.184.000.000 đồng và 240.816.000.000 đồng.

(**): Thực hiện Nghị quyết số 07/2018/NĐ-HĐQT ngày 08/08/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng cho bên mua với giá bán là 10.100 đồng/cổ phần.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/03/2019 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Thành phố Hải Phòng	96,33%	96,33%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Thành phố Hải Phòng	95,84%	95,84%	Đầu tư xây dựng

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/03/2019 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải.
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	36,58%	36,58%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 37.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo				
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star Đà Nẵng	670.000.000	-	3.657.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	-	-	3.603.800.000	-
- Navistar, Inc	-	-	9.947.121.275	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	8.670.715.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	33.945.500.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	6.318.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.536.967.625	-	4.298.214.584	-
	52.141.182.625	-	21.506.135.859	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	48.958.032.500	-	3.663.800.000	-
--	-----------------------	----------	----------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	-	-	2.097.813.050	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện Nam Phong	964.246.730	-	4.196.063.000	-
- Navistar, Inc	-	-	11.325.257.849	-
- Công ty Cổ phần CDC Hà Nội	28.172.212.016	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nam Hoàng Việt	23.407.736.928	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	14.658.641.220	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	4.778.402.010	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế HD	8.753.857.605	-	-	-
- Công ty TNHH Thành Trung	4.857.526.221	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	4.510.250.353	-	2.366.560.224	-
	90.102.873.083	-	19.985.694.123	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về dự lãi tiền gửi	331.669.862	-	677.991.821	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng (1)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp tiền ứng trước thực hiện Dự án HH3-HH4	194.378.605.000	-	-	-
	200.710.274.862	-	6.677.991.821	-

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Đầu tư Cải tạo, Xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất hoàn trả cho Công ty sau khi Kho bạc Nhà nước giải ngân kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo phương án đã được phê duyệt.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	765.947.200	-	775.827.200	-
- Thành phẩm	47.122.328.225	-	152.885.041.243	-
- Hàng hóa	31.485.993.879	-	25.974.450.715	-
- Hàng gửi bán	107.417.981.034	-	153.183.147.544	-
	186.792.250.338	-	332.818.466.702	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
- Dự án bất động sản đang triển khai	789.697.303.429	175.817.338.565
+ Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi (1)	95.522.872.791	77.636.378.344
+ Dự án Bất động sản Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng (2)	629.118.957.635	82.267.089.978
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (3)	17.876.291.441	4.906.910.572
+ Dự án khu Thương mại và Nhà ở Hoàng Huy Mall tại Phường Kênh Dương, Phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng (4)	38.623.001.614	8.095.640.368
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH1, HH2 Đồng Quốc Bình (5)	2.552.817.120	640.124.273
+ Dự án đầu tư khác	6.003.362.828	2.271.195.030
- Xây dựng cơ bản	-	492.928.363
+ Xưởng sửa chữa bảo hành và Showroom ô tô	-	492.928.363
	789.697.303.429	176.310.266.928

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi tại Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) số 01/2017/HĐBT ngày 05/04/2017 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 109.627.000.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ tháng 04/2017 và đã hoàn thành;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2019: Dự án đã bàn giao 2 tòa nhà 6 tầng và 126 căn hộ, khu sân chơi và trồng cây xanh để Sở Xây dựng đưa vào sử dụng và tái định cư trở lại cho các hộ dân. Dự án đang trong giai đoạn chờ phê duyệt quyết toán hoàn thành với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng.

(2) Dự án Bất động sản Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng phê duyệt chủ trương theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 16/03/2018 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.064.000.000.000 đồng;
- Phương thức thực hiện dự án: hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (xem thêm thuyết minh số 18);
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ quý I/2018 và dự kiến hoàn thành vào quý I/2023;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2019: Dự án đã xây dựng xong phần thô, đang trong giai đoạn hoàn thiện mặt ngoài.

(3) Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (tên đầy đủ Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Công trình Goldenland 5, xây dựng chung cư HH3-HH4 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền) tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.712.263.286.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 05/03/2018 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày mặt bằng đã được đền bù, giải phóng và bàn giao cho nhà đầu tư;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2019: Dự án đã xây xong phần móng, khung, đang tiến hành xây dựng phần thân, tòa HH3 - HH4 đang triển khai tới tầng 26.

(4) Dự án khu thương mại và nhà ở Hoàng Huy Mall tại phường Kênh Dương, phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng phê duyệt theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 16/03/2018 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 605.045.863.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ quý I/2018 và dự kiến hoàn thành vào quý I/2024;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2019: Dự án đã thực hiện đền bù, san lấp, giải phóng mặt bằng đồng thời phát sinh các chi phí như lập hồ sơ cấp phép, chi phí san lấp, làm hàng rào tôn,...

(5) Dự án cải tạo chung cư cũ HH1, HH2 Đồng Quốc Bình (tên đầy đủ Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Công trình Goldenland 5, xây dựng chung cư HH1-HH2 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền) tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.200.649.000.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 20/02/2019 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày mặt bằng đã được đền bù, giải phóng và bàn giao cho nhà đầu tư;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2019: Dự án hiện tại đã san lấp nền xong, đang thực hiện thi công cọc khoan nhồi.



10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.136.565.238	2.210.114.096	7.868.278.636	954.885.771	75.909.500	51.245.753.241
- Mua trong năm	-	-	4.904.632.000	-	-	4.904.632.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	492.928.363	-	-	-	-	492.928.363
Số dư cuối năm	40.629.493.601	2.210.114.096	12.772.910.636	954.885.771	75.909.500	56.643.313.604
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.812.085.644	2.195.182.134	6.212.153.428	534.573.738	75.909.500	29.829.904.444
- Khấu hao trong năm	1.541.621.821	14.931.962	1.109.573.648	243.901.504	-	2.910.028.935
Số dư cuối năm	22.353.707.465	2.210.114.096	7.321.727.076	778.475.242	75.909.500	32.739.933.379
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	19.324.479.594	14.931.962	1.656.125.208	420.312.033	-	21.415.848.797
Tại ngày cuối năm	18.275.786.136	-	5.451.183.560	176.410.529	-	23.903.380.225

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.268.293.626 đồng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Số dư cuối năm	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.106.817.552	111.896.190	3.218.713.742
- Khấu hao trong năm	198.836.323	-	198.836.323
Số dư cuối năm	3.305.653.875	111.896.190	3.417.550.065
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	53.110.672.148	-	53.110.672.148
Tại ngày cuối năm	52.911.835.825	-	52.911.835.825

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất (1)	Nhà cửa, vật kiến trúc (1)	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Số dư cuối năm	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	16.819.022.252	16.819.022.252
- Khấu hao trong năm	-	2.794.438.452	2.794.438.452
- Điều chỉnh theo kết luận kiểm tra thuế của Cục thuế Thành phố Hải Phòng	-	(981.334.174)	(981.334.174)
Số dư cuối năm	-	18.632.126.530	18.632.126.530
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	195.000.000.000	59.322.175.740	254.322.175.740
Tại ngày cuối năm	195.000.000.000	57.509.071.462	252.509.071.462

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 3.910.164.842 đồng.

(1): Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 183 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và một phần nhà cửa, phân xưởng cho thuê tại Thành phố Hải Phòng theo phương thức cho thuê thu tiền hàng năm.

13. CÁC KHOẢN VAY

	01/04/2018		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
- Vay ngắn hạn	-	-	616.893.969.286	597.182.814.888
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (1)	-	-	19.711.154.398	-
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	279.182.814.888	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	-	-	220.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	-	-	98.000.000.000	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	44.815.639.200	44.815.639.200
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (1)	-	-	44.815.639.200	-
	-	-	661.709.608.486	597.182.814.888
	-	-		64.526.793.598
b) Vay dài hạn				
- Vay dài hạn	42.605.639.200	42.605.639.200	2.210.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (1)	42.605.639.200	42.605.639.200	2.210.000.000	-
	42.605.639.200	42.605.639.200	2.210.000.000	-
	-	-	(44.815.639.200)	(44.815.639.200)
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				
	42.605.639.200	42.605.639.200		
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Hợp đồng cấp tín dụng số 371/2017/HDTD/PHG/01 ngày 7/8/2017 bao gồm các điều khoản sau:

- + Số tiền vay: 93.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Thanh toán chi phí thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- + Thời hạn cho vay: Từ ngày giải ngân đến 30/06/2019;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng quyền tài sản hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, quận Ngô Quyền số 01/2017/HĐBT giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy ngày 05/04/2017;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/03/2019 là 64.526.793.598 đồng. Trong đó, số dư nợ vay của các kế ước vay ngắn hạn là 19.711.154.398 đồng, vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là 44.815.639.200 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Quân	348.537.620	348.537.620	348.537.620	348.537.620
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	3.215.200	3.215.200	1.136.723.200	1.136.723.200
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	-	-	6.253.341.600	6.253.341.600
- Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long	710.509.800	710.509.800	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Quốc tế Trường Phát	12.278.884.117	12.278.884.117	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	611.475.952	611.475.952	136.581.638	136.581.638
	13.952.622.689	13.952.622.689	7.875.184.058	7.875.184.058

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	-	38.642.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	14.934.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	780.000.000	9.056.499.999
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	-	6.314.500.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	-	5.957.785.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	5.785.000.000	1.264.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xe tải Quốc tế	5.149.139.800	-
- Khách hàng ứng trước tiền mua bất động sản theo tiến độ	191.935.130.471	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	6.790.614.566	16.014.034.558
	210.439.884.837	92.183.819.557

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	7.454.923.306	54.219.529.882	61.674.453.188	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	18.985.024.039	18.985.024.039	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.943.698.084	43.086.334.553	46.723.038.381	-	3.306.994.256
- Thuế thu nhập cá nhân	-	24.077.561	14.714.160.240	14.705.659.894	-	32.577.907
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	1.341.048.243	1.341.048.243	-	-
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	6.000.000	8.000.000	5.000.000	-
	3.000.000	14.422.698.951	132.352.096.957	143.437.223.745	5.000.000	3.339.572.163

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo lãi chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà văn phòng cho thuê tại 183 Bà Triệu, Hà Nội	3.063.194.929	3.679.097.980
	3.063.194.929	3.679.097.980

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	28.340.000	-
- Nhận tiền thanh toán lần một Dự án HH3, HH4 (1)	194.378.605.000	-
	194.406.945.000	-
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	670.788.246	1.008.477.246
- Các khoản phải trả phải nộp khác	499.893.034.003	297.240.683.204
+ Nhận tiền góp vốn kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (2)	499.706.000.000	297.150.000.000
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	187.034.003	90.683.204
	500.563.822.249	298.249.160.450

(1) Theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 01/02/2019, UBND Thành phố Hải Phòng phân bổ chi tiết dự toán ghi thu tiền sử dụng đất Dự án Hoàng Huy Riverside và ghi chi thanh toán lần một Dự án Goldenland 5, xây dựng chung cư HH3, HH4 năm 2019 là 194.378.605.000 đồng;

(2): Nhận góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 168/HTKD ngày 16/08/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình và Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Riverside;
- Các bên tham gia và tỷ lệ góp vốn:
 - + Tổng mức đầu tư dự tính của các dự án là hơn 2.800 tỷ đồng;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) góp 500 tỷ đồng bằng tiền;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) góp phần còn lại bằng tiền, quyền khai thác dự án, quyền sử dụng đất tại các dự án. Đồng thời, Công ty (TCH) là đơn vị chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Trách nhiệm của các bên:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) có trách nhiệm góp đủ số vốn cam kết theo tiến độ do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) thông báo, tham gia ý kiến trong việc điều hành, quản lý dự án, tiêu thụ sản phẩm của dự án;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án, điều hành mọi hoạt động của dự án, quyết định giá bán sản phẩm, chuyển lợi nhuận và hoàn trả vốn góp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) theo quy định của hợp đồng;

- Phân chia kết quả: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) được hưởng 25% lợi nhuận sau thuế của dự án Hoàng Huy Riverside hàng năm, phần còn lại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) được hưởng;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy được quyền ưu tiên mua lại một phần hoặc toàn bộ các sản phẩm của dự án Hoàng Huy Riverside để thực hiện đầu tư, phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng.
(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9).

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	1.821.386.253	2.023.605.234
	1.821.386.253	2.023.605.234

20. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH CÓ CHUYỂN ĐỔI

- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi loại A 2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Mã trái phiếu: TCH_TPCD2019_A;
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án hiện có của Công ty;
- Ngày phát hành: 22/03/2019;
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi có tài sản đảm bảo, không kèm theo chứng quyền;
- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu, tổng giá trị phát hành là 598.808.000.000 đồng;
- Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm kể từ ngày phát hành;
- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi trái phiếu được trả sau. Định kỳ thanh toán: 03 tháng một lần, vào ngày cuối cùng của mỗi Kỳ trả lãi;
- Lãi suất coupon: 5%/năm;
- Lợi suất đến ngày đáo hạn: Ngoài việc thanh toán lãi phát sinh từ lãi suất coupon, Công ty sẽ thanh toán số tiền lợi suất tính trên khoản tiền đến hạn thanh toán ("YTM") khi đáo hạn Trái phiếu. Với mục đích này, YTM sẽ bằng 2% mỗi năm trên Trái phiếu được tích lũy cho đến ngày thanh toán YTM. YTM sẽ không được thanh toán cho các Trái phiếu đã được chuyển đổi theo các Điều khoản và Điều kiện;
- Giá chuyển đổi: Chi tiết trong Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu và các văn bản liên quan;
- Tỷ lệ chuyển đổi: = M/P
Trong đó:
M là mệnh giá của một Trái phiếu và bằng 1.000.000 đồng;
P là Giá chuyển đổi có hiệu lực tại thời điểm chuyển đổi;
- Thời hạn chuyển đổi: Đợt 1 tối thiểu lớn hơn hoặc bằng (>=) 33,3% tổng số trái phiếu chuyển đổi lưu hành sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, đợt 2 chuyển đổi tối thiểu lớn hơn hoặc bằng (>=) 66,7% tổng số trái phiếu chuyển đổi lưu hành thành cổ phần trong vòng 09 tháng liên tục từ ngày cuối cùng của đợt 1, đợt 3 từ ngày cuối cùng của đợt 2 cho tới ngày cuối cùng của thời hạn chuyển đổi;
- Công ty đã áp dụng mức lãi suất là 9%/năm để chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại. Từ đó, xác định ra giá trị cấu phần vốn của trái phiếu (quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu). Mức lãi suất này được Công ty xác định căn cứ theo mức lãi suất cho vay tín chấp bình quân trung hạn của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long, là ngân hàng giao dịch thường xuyên với Công ty. Theo đó:

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
Trái phiếu chuyển đổi TCH_TPCD2019_A		
- Giá trị phần nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	540.878.146.323	-
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	57.929.853.677	-

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.629.940.140.000	-	-	306.139.592.088	3.936.079.732.088
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(219.996.488.178)	-	(219.996.488.178)
Lãi trong năm trước	-	-	-	513.071.753.457	513.071.753.457
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(290.395.211.200)	(290.395.211.200)
Số dư cuối năm trước	3.629.940.140.000	-	(219.996.488.178)	528.816.134.345	3.938.759.786.167
Số dư đầu năm nay	3.629.940.140.000	-	(219.996.488.178)	528.816.134.345	3.938.759.786.167
Xác định cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi	-	57.929.853.677	-	-	57.929.853.677
Lãi trong năm nay	-	-	-	162.850.918.665	162.850.918.665
Tặng khác (*)	-	-	-	49.141.646	49.141.646
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	(300.280.829.400)	(300.280.829.400)
Số dư cuối năm nay	3.629.940.140.000	57.929.853.677	(219.996.488.178)	391.435.365.256	3.859.308.870.755

(*) Điều chỉnh Kết quả kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2014 và giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2018 theo kết luận thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 06 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	513.071.753.457
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần đang lưu hành nhận 850 đồng)	300.280.829.400

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.510.836.250.000	41,62%	1.510.836.250.000	41,62%
Ông Đỗ Hữu Hậu	181.500.000.000	5,00%	181.500.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.840.379.390.000	50,70%	1.840.379.390.000	50,70%
Cổ phiếu quỹ mua lại của các cổ đông	97.224.500.000	2,68%	97.224.500.000	2,68%
	3.629.940.140.000	100,00%	3.629.940.140.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
- Vốn góp cuối năm	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000

d) Cổ phiếu

	31/03/2019	01/04/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.722.450	9.722.450
- Cổ phiếu phổ thông	9.722.450	9.722.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	353.271.564	353.271.564
- Cổ phiếu phổ thông	353.271.564	353.271.564
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/03/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.818.721.799	9.774.097.981
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.880.409.834	9.993.531.633
- Trên 5 năm	3.201.545.455	4.095.000.000

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Hải Phòng để phục vụ sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

Lô đất	Mục đích	Diện tích	Thời hạn thuê
Lô đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Xây dựng nhà máy sản xuất động cơ, khung, phụ tùng và lắp ráp xe gắn máy hai bánh	25.828,2 m ²	Từ năm 2003 đến năm 2033
Lô đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Xây dựng văn phòng điều hành và cửa hàng giới thiệu sản phẩm	19.875,3 m ²	Từ năm 2002 đến năm 2032

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/03/2019	01/04/2018
- Đô la Mỹ	USD	225.644,72	1.653,99
- Euro	EUR	8,95	8,95

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.965.034.639	2.721.756.456
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	-	32.964.818.180
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện thu hồi	742.521.656.707	1.629.266.952.196
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.370.453.988	17.071.434.933
	764.857.145.334	1.682.024.961.765
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	659.998.654.164	1.491.293.096.096

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	822.921.000	3.682.336.000
- Hàng bán bị trả lại	-	490.909.091
	822.921.000	4.173.245.091

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.594.247.796	2.189.076.677
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	-	25.830.350.865
Giá vốn của Ô tô đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	531.528.651.009	1.217.770.084.072
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.642.917.724	7.011.657.493
	543.765.816.529	1.252.801.169.107

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.043.090.866	8.666.236.408
Lãi bán các khoản đầu tư	2.232.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	184.994.450.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	926.643.089	22.011.399
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	102.856
	9.201.733.955	193.682.800.663

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.312.276.531	3.231.856.257
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	47.960.114	7.043.296
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.466	3.565.074
	7.360.255.111	3.242.464.627

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	98.000.000
Chi phí nhân công	3.301.320.164	1.911.699.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.396.327	134.577.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.802.173.228	3.074.151.656
Chi phí khác bằng tiền	1.400.637.461	474.805.183
	8.732.527.180	5.693.234.105

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.440.362.686	2.046.916.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.003.759.217	2.752.689.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.850.998.872	4.903.329.875
Chi phí khác bằng tiền	1.927.707.881	1.688.061.666
	17.222.828.656	11.390.997.587

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	180.000.000
Hàng được cho, biếu tặng	8.962.096.569	4.889.519.123
Thu nhập khác	6.831.176	-
	8.968.927.745	5.069.519.123

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	153.250.553
Chi ủng hộ địa phương	1.000.000.000	6.500.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.847.400	-
Các khoản bị phạt	-	83.060.575
Chi phí khác	977	3.015.441
	1.247.848.377	6.739.326.569

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	203.875.610.181	596.736.844.465
Các khoản điều chỉnh tăng	1.247.847.400	6.583.060.575
- Chi phí không hợp lệ	1.247.847.400	6.583.060.575
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(184.994.450.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(184.994.450.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	205.123.457.581	418.325.455.040
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	41.024.691.516	83.665.091.008
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	2.061.643.037	
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.943.698.084	10.317.304.272
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(46.723.038.381)	(87.038.697.196)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	3.306.994.256	6.943.698.084

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	379.037.899.582	1.411.554.088.032
Chi phí nhân công	9.645.097.989	8.607.797.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.903.303.710	5.629.779.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.122.575.829	8.209.451.958
Chi phí khác bằng tiền	2.890.167.931	2.162.866.849
	414.599.045.041	1.436.163.983.921

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2019		01/04/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.948.804.389	-	42.258.301.290	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	252.851.457.487	-	28.184.127.680	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	299.000.000.000	-	39.500.000.000	-
	746.800.261.876	-	109.942.428.970	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2019	01/04/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	64.526.793.598	42.605.639.200
Phải trả người bán, phải trả khác	708.923.389.938	306.124.344.508
Chi phí phải trả	3.063.194.929	3.679.097.980
	776.513.378.465	352.409.081.688

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.948.804.389	-	-	194.948.804.389
Phải thu khách hàng, phải thu khác	252.851.457.487	-	-	252.851.457.487
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	299.000.000.000	-	-	299.000.000.000
	746.800.261.876	-	-	746.800.261.876
Tại ngày 01/04/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.258.301.290	-	-	42.258.301.290
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.184.127.680	-	-	28.184.127.680
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	38.000.000.000	1.500.000.000	-	39.500.000.000
	108.442.428.970	1.500.000.000	-	109.942.428.970

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2019				
Vay và nợ	64.526.793.598	-	-	64.526.793.598
Phải trả người bán, phải trả khác	208.359.567.689	500.563.822.249	-	708.923.389.938
Chi phí phải trả	3.063.194.929	-	-	3.063.194.929
	275.949.556.216	500.563.822.249	-	776.513.378.465
Tại ngày 01/04/2018				
Vay và nợ	-	42.605.639.200	-	42.605.639.200
Phải trả người bán, phải trả khác	7.875.184.058	298.249.160.450	-	306.124.344.508
Chi phí phải trả	3.679.097.980	-	-	3.679.097.980
	11.554.282.038	340.854.799.650	-	352.409.081.688

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	619.103.969.286	269.442.633.424
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi;	540.878.146.323	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	597.182.814.888	226.836.994.224

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2018	Từ 01/04/2017
		đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		659.998.654.164	1.491.293.096.096
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	120.989.545.445	248.382.727.296
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	192.646.363.646	227.209.090.921
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	35.537.099.633	56.148.459.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	43.212.727.272	73.212.727.276
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng (từ 01/04/2018 đến 08/08/2018)	Công ty liên kết	29.472.727.268	93.200.909.093
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	91.431.818.181	524.487.727.306
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	6.784.545.454	33.014.818.180
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	78.155.454.546	114.349.545.473
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Khoản đầu tư của công ty con	61.213.827.269	121.232.545.457
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Công ty con	472.727.268	54.545.454
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con	81.818.182	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia			- 184.994.450.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con		- 184.994.450.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/03/2019	01/04/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		48.958.032.500	3.663.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	8.670.715.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	33.945.500.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	23.817.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	-	3.603.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	6.318.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Công ty con	-	60.000.000

	Mối quan hệ	31/03/2019	01/04/2018
		VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.223.720.000	73.840.230.345
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	-	5.957.785.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	-	6.314.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	-	4.145.045.344
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	5.785.000.000	1.264.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	-	38.642.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	-	2.581.900.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	-	14.934.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	1.438.720.000	-
Phải trả khác - Tiền góp vốn hợp tác đầu tư		499.706.000.000	297.150.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	499.706.000.000	297.150.000.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Từ 01/04/2018 đến 31/03/2019	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		397.560.000	351.120.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		711.480.624	604.821.144

38. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ

Trong kỳ, do không nhận các khoản cổ tức được chia từ các công ty con như cùng kỳ năm trước (Quý 4 năm tài chính 2017, Công ty mẹ nhận cổ tức từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt số tiền gần 185 tỷ đồng), nên kỳ này, công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt gần 48,5 tỷ đồng, giảm 80% so với cùng kỳ năm ngoái.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ